

## LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

### QUYỂN 40

#### GIẢI THÍCH PHẨM BỐN: VÃNG SANH

##### Phần 3

**KINH:** Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát được mắt pháp thanh tịnh thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát dùng mắt pháp biết người ấy tu theo lòng tin (tùy tín hành) người ấy tu theo sự hiểu pháp (tùy pháp hành), người ấy tu vô tướng, người ấy tu môn không giải thoát, người ấy tu môn vô tướng giải thoát, người ấy tu môn vô tác giải thoát, được năm căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được năm căn nên được vô gián tam-muội, được vô gián tam-muội nên được trí giải thoát; được trí giải thoát nên dứt ba kiết là hữu thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Người ấy gọi là Tu-đà-hoàn.

Người ấy được tư duy đạo, làm mỏng dâm, nộ, si sẽ được Tư-đà-hàm.

Tăng tấn tư duy đạo, dứt dâm, nộ, si, sẽ được A-na-hàm.

Tăng tấn tư duy đạo, dứt ô nhiễm thuộc cõi Sắc, ô nhiễm thuộc cõi Vô sắc, dứt vô minh, kiêu mạn, trạo hối, được A-la-hán.

Người ấy tu môn không, vô tướng, vô tác giải thoát, được năm căn; được năm căn nên được vô gián tam-muội; được vô gián tam-muội nên được trí giải thoát; được trí giải thoát nên biết tập pháp đều là diệt pháp, thành Bích-chi Phật; ấy là Bồ-tát ma-ha-tát được mắt pháp thanh tịnh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát biết Bồ-tát ấy khi mới phát tâm tu Thí Ba-la-mật, cho đến tu Bát-nhã Ba-la-mật, thành tựu tín căn, tinh tấn căn, thiện căn thuần hậu, dùng lực phương tiện vì chúng sanh mà thọ thân, hoặc sanh vào dòng Sát-đế-lợi, hoặc sanh vào dòng Bà-la-môn, hoặc sanh vào nhà Đại cư sĩ, hoặc sanh vào trời Tứ thiên vương,

cho đến cõi Tha-hóa-tự-tại. Bồ-tát ấy ở trong đó thành tựu chúng sanh, theo chỗ họ ưa thích cấp thí cho, cũng làm tịnh Phật quốc độ, gặp chư Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không đọa vào địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật; ấy là Bồ-tát ma-ha-tát được mắt Pháp thanh tịnh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát biết Bồ-tát ấy thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, biết Bồ-tát ấy không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; biết Bồ-tát ấy được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, biết Bồ-tát ấy chưa được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; biết Bồ-tát ấy đến địa vị bất thối chuyển, biết Bồ-tát ấy chưa đến địa vị bất thối chuyển; biết Bồ-tát ấy đầy đủ thân thông, biết Bồ-tát ấy chưa đầy đủ thân thông, biết Bồ-tát ấy đã đầy đủ thân thông bay đến mười phương hằng hà sa thế giới, thấy chư Phật cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán, biết Bồ-tát ấy chưa được thân thông, sẽ được thân thông; biết Bồ-tát ấy sẽ tịnh Phật độ, không tịnh Phật độ; biết Bồ-tát ấy thành tựu chúng sanh, chưa thành tựu chúng sanh; biết Bồ-tát ấy được chư Phật khen ngợi, không khen ngợi; biết Bồ-tát ấy thân cận chư Phật, không thân cận chư Phật; biết Bồ-tát ấy thọ mạng có lượng, thọ mạng vô lượng; biết Bồ-tát ấy khi thành Phật, chúng Tỳ-kheo có lượng, chúng Tỳ-kheo vô lượng. Biết Bồ-tát ấy khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lấy Bồ-tát làm Tăng chúng, không lấy Bồ-tát làm Tăng chúng; biết Bồ-tát ấy sẽ tu khổ hạnh khó hành, không tu khổ hạnh khó hành; biết Bồ-tát ấy một đời bổ xứ, chưa một đời bổ xứ. Biết Bồ-tát ấy thọ thân tối hậu, chưa thọ thân tối hậu; biết Bồ-tát ấy ngồi được đạo tràng, không ngồi được đạo tràng; biết Bồ-tát ấy có ma phá, không ma phá.

Như vậy, này Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát được mắt Pháp thanh tịnh.

**LUẬN:** Bồ-tát ma-ha-tát khi mới phát tâm, lấy mắt thịt thấy thế giới chúng sanh, chịu các khổ hoạn, tâm sanh thương xót, nên học các thiện định, tu được năm thông, lại lấy mắt trời thấy khắp chúng sanh trong sáu đường, chịu các thứ thân khổ, tâm khổ, càng thêm thương xót, nên cầu mắt tuệ để tế độ.

Được mắt tuệ rồi thấy chúng sanh tâm tưởng không đồng nhau, làm sao khiến chúng sanh ngộ được thật pháp, nên cầu mắt pháp, dẫn đạo chúng sanh vào trong pháp, nên gọi là mắt pháp. Nghĩa là biết người ấy tu theo lòng tin, người ấy tu theo sự hiểu pháp, bắt đầu vào đạo vô lậu.

Người độn căn là người tu theo lòng tin, người này ban đầu nương

sức tin mà đặc đạo, ấy gọi là tùy tín hành.

Người lợi căn là người tu theo sự hiểu pháp, người này do phân biệt các pháp mà đặc đạo ấy, ấy gọi là tùy pháp hành.

Hai hạng người này, đối với mười lăm tâm (khổ pháp nhãn, khổ pháp trí... cho đến đạo loại nhãn, đạo loại trí – ND) gọi là vô tướng hành, quá đây trở đi hoặc gọi Tu-đà-hoàn, hoặc gọi Tư-đà-hàm, hoặc gọi A-na-hàm. Mười lăm tâm đi qua rất mau không thể thủ được tướng nó, nên gọi là vô tướng.

Có người từ vô thí lại đây, tánh thường chất trực, ưa thích sự thật; có người ưa hạnh xả lìa, có người đời đời thường ưa thiện tịch.

Người ưa sự thật, thì dùng môn Không giải thoát mà đặc đạo, vì trong các thứ thật, Không là thật đệ nhất.

Người ưa hạnh xả lìa thì tu môn Vô tác giải thoát mà đặc đạo.

Người ưa thiện tịch thì tu môn Vô tướng giải thoát mà đặc đạo.

Hỏi: Cớ sao nói được năm căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ)?

Đáp: Có người nói: Hết thấy thánh đạo, gọi là năm căn. Năm căn thành lập tám căn (năm căn và ba căn vô lậu là: vị tri đương, dĩ tri, cụ tri căn - ND) tuy đều là thiện mà ba vô lậu căn không có riêng khác, vì vậy chỉ nói năm căn.

Tam-muội tương ứng lúc thủ chứng quả, gọi là vô gián tam-muội. Được tam-muội ấy rồi, được trí giải thoát. Lấy trí giải thoát ấy dứt ba kiết, được chứng quả.

Có thân kiến: Ở trong năm thọ uẩn thấy có ngã, ngã sở.

Nghi: Không tin Tam bảo và lý Tứ đế.

Giới cấm thủ: Chấp thủ pháp của chín mươi sáu thứ ngoại đạo, hy vọng giải thoát khổ.

Hỏi: Thấy lý Tứ đế dứt mười kiết được quả Tu-đà-hoàn, cớ sao đây chỉ nói dứt ba kiết, không nói bảy kiết kia?

Đáp: Nếu nói có kiến là đã nói hết thấy kiến kiết. Như trong Kinh nói có kiến là cội gốc của sáu mươi hai kiến. Nếu người chấp ngã, lại suy nghĩ ngã là thường hay vô thường? Nếu bảo vô thường thì đọa vào đoạn diệt kiến, rồi sanh tà kiến, cho là không có tội phước. Nếu bảo là thường, thì đọa vào thường kiến, sanh giới cấm thủ, chấp nó để hy vọng đặc đạo, hoặc tu để được cái vui phước đức đời sau. Muốn được hai việc ấy nên thủ giới. Vì cầu nhân duyên khổ vui nên bảo là do trời làm, lại sanh ra kiến thủ. Nếu nói có thân kiến là đã bao gồm hai kiến là biên kiến và tà kiến. Nếu nói giới cấm thủ, là đã nói kiến thủ. Còn bốn kiết kia vì chưa nhổ gốc, nên không nói. Mười kiết này do nơi bốn đế ở trong ba cõi để

dứt trừ, nên phân biệt có tám mươi tám sử.

Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật, phân biệt thành Thanh văn và Bích-chi Phật đạo, như trước nói.

Mắt pháp của Bồ-tát có hai: 1. Phân biệt biết môn phương tiện đặc đạo của Thanh văn, Bích-chi Phật. 2. Phân biệt biết môn phương tiện đặc đạo của Bồ-tát.

Pháp Thanh văn, Bích-chi Phật trước đã nói ở nhiều nơi. Nay sẽ phân biệt pháp của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát biết Bồ-tát ấy thực hành sáu Ba-la-mật sâu xa, mỏng các phiền não, nên dùng tín căn, tinh tấn căn và phương tiện, vì độ chúng sanh mà thọ thân. Vì Bồ-tát nhục thân sanh tử này, chưa được pháp tánh thân thông pháp thân, nên không nói ba căn. Vì chưa lia đục, đời nay thực hành công đức bố thí với tín căn, tinh tấn căn, nên đời sau sanh vào dòng Sát-lợi, cho đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại. Trước biết nhân, sau biết quả.

Lại nữa, Bồ-tát không thối chuyển, là như trước nói tướng trạng không thối chuyển, cũng như trong phẩm không thối chuyển ở sau nói. Trái với đây, gọi là thối chuyển.

Bồ-tát không thối chuyển có hai: 1. Thọ ký. 2. Chưa thọ ký. Như trong Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội nói bốn thứ thọ ký.

Đây đủ thân thông: Ở khắp mười phương hằng hà sa thế giới, trong một lúc có thể biến hóa ra vô lượng thân, cúng dường chư Phật và nghe pháp, thuyết pháp độ chúng sanh. Các việc ấy, trừ Phật không ai có được, ấy là thân tối hậu. Bồ-tát trái với đây, gọi là không đầy đủ.

Lại nữa, trong mỗi tự địa, không thiếu gì, gọi là đầy đủ trong mỗi tự địa chưa thành tựu, ấy là không đầy đủ.

Được thân thông có hai: 1. Có dùng. 2. Không dùng.

Chưa được thân thông là có Bồ-tát mới phát tâm nên chưa được thân thông. Hoặc vì chưa lia đục, vì tâm giải đãi, vì tu pháp khác, ấy là chưa được. Trái với đây là được.

Tịnh Phật độ, chưa tịnh Phật độ như trước nói.

Thành tựu chúng sanh có hai: Có người trước tự thành công đức, sau mới độ chúng sanh; có người trước thành tựu chúng sanh, sau mới tự thành công đức. Như Phật Bảo Hoa, khi sắp vào Niết-bàn quán tâm hai Bồ-tát Di-lặc và Thích-ca Văn, thấy Di-lặc Bồ-tát tự công đức thành tựu mà đệ tử chưa thành tựu, Thích-ca Văn Bồ-tát thì đệ tử thành tựu mà tự thân chưa thành tựu. Thành cho nhiều người khó, tự thành cho mình dễ. Nghĩ như vậy rồi (Phật Bảo Hoa) liền vào trong hang báu của núi Tuyết, thân phóng hào quang. Khi ấy Thích-ca Văn Bồ-tát thấy Phật, nhiếp tâm

thanh tịnh, một chân đứng luôn bảy ngày bảy đêm, dùng một bài kệ tán Phật. Do nhân duyên ấy mà vượt qua chín kiếp tu hành.

Như vậy biết người thành tựu chúng sanh, không thành tựu chúng sanh.

Chư Phật ngợi khen như trước đã nói, trái với đó gọi là chẳng người khen.

Thân cận chư Phật, thọ mạng vô lượng, vô lượng Tỳ-kheo tăng, thuần Bồ-tát làm Tăng: không tu khổ hạnh, các nghĩa này như đã nói ở cuối Phẩm tựa đầu.

Một đời bồ xứ là, hoặc do xem tướng mà biết, như Đạo sĩ A-tư-đà xem tướng Thái-tử mà biết Ngài thành Phật ngay ở đời này. Bà-la-môn Sần-nhã-bà thấy con nai sữa, biết người ngày nay thành Phật nên ăn. Như Bồ-tát Biến-cát. Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi..., thấy các Bồ-tát ấy tướng như chư Phật, biết sẽ thành Phật,...

Ngồi đạo tràng là, có Bồ-tát thấy chỗ Bồ-tát đi, dưới đất có đất Kim-cang giữ gìn Bồ-tát ấy. Lại thấy trời rồng quỷ thần mang các thứ cúng dường đến đạo tràng. Do những việc như vậy, biết ngồi đạo tràng.

Có ma là, đời trước ngăn người khác hành đạo, và theo các cách cầu Phật đạo, không ưa thực hành Từ bi, chỉ ưa thực hành các pháp không, vô tướng...; do nhân duyên như vậy nên có ma phá hoại.

Hỏi: Cớ sao Bồ-tát thân cuối cùng còn chịu báo ác nghiệp có ma đến phá?

Đáp: Bồ-tát theo nhiều cửa vào Phật đạo, hoặc theo cửa Từ bi, cửa Tinh tấn, Trí tuệ mà vào Phật đạo. Bồ-tát này theo cửa Tinh tấn, Trí tuệ, không hành Bi tâm, ưa hành Tinh tấn, Trí tuệ; ví như người sang, tuy có nhiều thứ áo đẹp, hoặc có khi mặc một cái, các cái khác không mặc. Bồ-tát cũng như vậy tu các hạnh để cầu Phật đạo, hoặc tu Tinh tấn, Trí tuệ, dứt mất tâm Từ bi.

Phá người hành đạo là, vì tăng trưởng mạn, nên các trời trường thọ, ma quỷ thần không biết Bồ-tát phương tiện, thấy làm ác hành mà sao không chịu khổ báo, bèn sanh tà kiến chấp đoạn diệt, nên Phật thị hiện thọ báo. Vì vậy tuy không có nhân duyên tội, không có ma thật đến phá, mà Phật dùng phương tiện thị hiện có ma.

Hết thấy môn phương tiện của Thanh văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát như vậy, để làm cho chúng sanh vào đạo, ấy gọi là mắt pháp thanh tịnh.

**KINH:** Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát được mắt Phật thanh tịnh thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Có Bồ-tát ma-ha-tát tâm cầu Phật đạo, thứ lớp

vào Như Kim cang tam-muội, được trí nhất thiết chủng. Bảy giờ thành tựu Mười lực, Bốn việc không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi. Bồ-tát ma-ha-tát ấy dùng trí nhất thiết chủng, đối hết thấy pháp, không pháp gì không thấy, không pháp gì không nghe, không pháp gì không hay, không pháp gì không biết.

Này Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được mắt Phật thanh tịnh.

Như vậy Xá lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn được Năm mắt thì nên học Sáu Ba-la-mật. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì trong Sáu Ba-la-mật ấy thu nhiếp hết thấy thiện pháp. Như pháp Thanh văn, pháp Bích-chi Phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật.

Này Xá-lợi-phất! Nếu nói chắc thật, cái có thể thu nhiếp tất cả thiện pháp, chính là Bát-nhã Ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Bát-nhã Ba-la-mật có thể sanh Năm mắt, Bồ-tát học Năm mắt là chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

**LUẬN:** Bồ-tát trú trong Mười địa, đầy đủ Sáu Ba-la-mật, cho đến Trí nhất thiết chủng. Bồ-tát vào Như Kim-cang tam-muội, phá các tập khí phiền não, liền được vô ngại giải thoát của chư Phật, liền sanh mắt Phật, đó là Trí nhất thiết chủng, Mười lực, Bốn trí vô ngại, cho đến Đại từ Đại bi các công đức, ấy gọi là mắt Phật.

Hỏi: Trí tuệ thấy vật, đó là tướng trạng của mắt, cố sao Đại từ Đại bi mà gọi là mắt?

Đáp: Các công đức đều tương ứng với mắt tuệ, gọi chung là mắt.

Lại nữa, tâm Từ bi có ba: chúng sanh duyên, pháp duyên và vô duyên.

Tâm từ của người phạm phu duyên chúng sanh mà phát, tâm từ của Thanh văn, Bích-chi Phật và Bồ-tát ban đầu duyên chúng sanh sau duyên pháp mà phát, tâm Từ của chư Phật khéo tu “rất ráo không” nên gọi là vô duyên; thế nên từ bi cũng gọi là mắt Phật.

Đã nói mắt Phật, nay nói công dụng của mắt Phật. Mắt ấy không pháp gì không thấy, không nghe, không hay, không biết.

Lại nữa, có người nói Bồ-tát thập trụ không khác với Phật, như Bồ-tát Biến-cát, Văn-thù-sư-lợi, Quán Thế âm... đầy đủ công đức, mười lực như Phật, mà vì rộng độ chúng sanh nên không làm Phật, cho nên sanh nghi. Vì vậy nên nói tướng trạng của mắt Phật là đối với mười phương chúng sanh và các pháp, không gì không thấy, không gì không nghe. Các Bồ-tát Biến-cát... đối với các Bồ-tát khác thì lớn, nhưng so với Phật thì không thể biết khắp; như ánh sáng mặt trăng tuy lớn, nhưng đối với mặt

trời thì không hiện.

Hỏi: Tướng trạng của mắt là thấy, cố sao nói nghe?

Đáp: Trí tuệ của chúng sanh là sáu căn phát sanh, biết sáu trần. Có người nói: Phật có việc không nghe, như đối với kinh sách ngoại đạo hoặc có việc Phật không nghe được. Thế nên nói trí tuệ Phật không việc gì không nghe.

Lại do nhĩ thức làm nhân duyên sanh trí tuệ, trí tuệ biết được, nói là không việc gì không nghe.

Hỏi: Vì sao có cái biết của ba thức hiệp làm một, có cái biết của ba thức tách làm ba? Mắt gọi là thấy, tai gọi là nghe, ý biết gọi là thức, còn cái biết của mũi, lưỡi, thân gọi là giác?

Đáp: Ba thức mắt, tai, ý, giúp đạo pháp nhiều, nên nói tách riêng, còn ba thức kia không được như vậy nên nói hợp lại. Và ba thức này chỉ biết việc thế gian, nên hợp làm một, còn ba thức mắt, tai, ý biết việc thế gian cũng biết việc xuất thế gian, nên nói tách riêng.

Lại nữa, ba thức mũi, lưỡi, thân chỉ duyên pháp vô ký, còn ba thức mắt, tai, ý hoặc duyên pháp thiện hoặc duyên pháp bất thiện, hoặc duyên pháp vô ký.

Lại nữa, ba thức làm nhân duyên sanh ba thừa: như mắt thấy Phật và đệ tử Phật, tai nghe Pháp, tâm suy lường, chánh ức niệm.

Có các sai biệt như vậy, nên cái biết nói sáu thức chia làm bốn.

Trí nhất thiết chủng là, như người thấy gần không thấy xa, thấy ngoài không thấy trong, thấy thô không thấy tế, thấy đông không thấy tây, thấy đây không thấy kia, thấy hòa hợp không thấy tan rã, thấy khi sanh không thấy khi diệt.

Mắt thịt thấy, mắt trời không thấy, vì người phàm phu nhãn căn thành tựu mà chưa lìa dục nên không có mắt trời. Mắt trời thấy, mắt tuệ không thấy, vì người phàm phu được Thiên nhãn thông mà không có mắt tuệ. Mắt tuệ thấy mắt pháp không thấy, vì hàng Thanh văn chưa lìa dục, không biết các phương pháp độ chúng sanh, nên không có mắt pháp. Mắt pháp thấy mắt Phật không thấy, vì Bồ-tát được Đạo chủng trí, biết các phương pháp độ sanh mà chưa thành Phật nên không có mắt Phật.

Lại nữa, mắt thịt mắt trời thấy, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật không thấy, vì người phàm phu nhãn căn thành tựu, được Thiên nhãn thông mà không có mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật. Mắt thịt, mắt tuệ thấy, mắt pháp, mắt Phật không thấy, vì hàng Thanh văn nhãn căn thành tựu mà không biết các phương pháp độ chúng sanh nên không có mắt pháp, vì là Thanh văn nên không có mắt Phật. Mắt thịt, mắt pháp thấy mắt Phật không

thấy, vì mới được vô sanh nhãn, chưa thọ pháp tánh sanh thân Bồ-tát, được Đạo chủng trí, vì chưa thành Phật, nên không có mắt Phật. Mắt trời, mắt tuệ thấy mắt pháp, mắt Phật không thấy, vì người Thanh văn lìa dục, được Thiên nhãn thông chẳng phải là Bồ-tát, không có Đạo chủng trí nên không có mắt pháp, vì là người Thanh văn nên không có mắt Phật. Mắt trời, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì được Bồ-tát thần thông, biết các phương pháp độ chúng sanh mà chưa thành Phật nên không có mắt Phật. Mắt tuệ, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì Bồ-tát được vô sanh pháp nhãn, được vô sanh pháp nhãn rồi, có thể quán thấy nhân duyên đặc đạo của hết thấy chúng sanh, dùng các phương pháp mà độ thoát, song chưa thành Phật, nên không có mắt Phật.

Lại nữa, mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ thấy, mắt pháp, mắt Phật không thấy. Vì hàng Thanh văn nhãn căn thành tựu được Thiên nhãn thông, mà không Đạo chủng trí, nên không có mắt pháp, vì là Thanh văn nên không có mắt Phật. Mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì pháp tánh sanh thân Bồ-tát, đủ sáu thần thông, dùng các phương pháp độ chúng sanh, mà vì chưa thành Phật nên không có mắt Phật.

Lại nữa, mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp thấy, mắt Phật không thấy, vì Bồ-tát mới được vô sanh pháp nhãn, chưa bỏ nhục thân, được Bồ-tát thần thông, vô sanh pháp nhãn, Đạo chủng trí đầy đủ, mà vì chưa thành Phật nên không có mắt Phật.

Như vậy không thể gọi là không pháp gì không thấy, không nghe, không hay, không biết. Nếu dùng mắt Phật xem các pháp, ấy gọi là không có gì không thấy, không có gì không nghe, không có gì không hay, không có gì không biết. Theo nghĩa phân biệt năm trần cũng như vậy.

Các thiện pháp của ba thừa là nhân duyên được năm mắt.

Các thiện pháp thu nhiếp vào Sáu Ba-la-mật.

Sáu Ba-la-mật lấy Bát-nhã Ba-la-mật làm gốc.

Vì vậy nói Bát-nhã Ba-la-mật sanh ra Năm mắt. Bồ-tát dần dần học Năm mắt ấy, không lâu sẽ làm Phật.

**KINH:** Nay Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, tu Thần thông Ba-la-mật. Dùng thần thông Ba-la-mật ấy, được các việc như ý: rung động đại địa, biến một thân làm vô số thân, vô số thân làm một thân, ẩn hiện tự tại, đi qua núi vách cây cối vô ngại như đi giữa không, đi trên nước như đi trên đất, bay trên không như chim, ra vào trong đất như ra vào trong nước, thân tuôn khói lửa như đồng lửa lớn, trong thân ra nước như nước chảy từ núi Tuyết. Mặt trời mặt trăng,



cho đến Phạm thiên oai đức khó đương, mà có thể sờ nắm, cho đến Phạm thiên, thân được tự tại, cũng không đấm trước thần thông như ý như vậy. Việc thần thông và thân ta đều không thể có được, vì tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh, không nghĩ rằng: Ta được thần thông như ý, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, được trí chứng Như ý thông.

Lại, Bồ-tát ấy lấy tai trời trong sạch hơn tai người, nghe hai thứ tiếng: tiếng trời tiếng người, cũng không đấm trước thần thông Thiên nhĩ ấy. Thiên nhĩ, tiếng và thân ta đều không thể có được. Vì tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta có tai trời ấy, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, được trí chứng Thiên nhĩ thông.

Bồ-tát ấy như thật biết tâm các chúng sanh khác hoặc có tâm dục như thật biết tâm dục; tâm lìa dục như thật biết tâm lìa dục; tâm sân như thật biết tâm sân; tâm lìa sân như thật biết tâm lìa sân; tâm si như thật biết tâm si; tâm lìa si, như thật biết tâm lìa si; tâm khát ái như thật biết tâm khát ái, tâm không khát ái như thật biết tâm không khát ái; tâm có thọ như thật biết tâm có thọ; tâm không thọ như thật biết tâm không thọ; tâm thu nhiếp như thật biết tâm thu nhiếp, tâm phân tán như thật biết tâm phân tán; tâm nhỏ như thật biết tâm nhỏ; tâm lớn, như thật biết tâm lớn; tâm định như thật biết tâm định; tâm loạn như thật biết tâm loạn; tâm giải thoát như thật biết tâm giải thoát; tâm không giải thoát, như thật biết tâm không giải thoát; tâm có trên như thật biết tâm có trên; tâm không trên như thật biết tâm không trên; cũng không đấm trước tâm ấy. Vì sao? Tướng tâm ấy chẳng phải tâm, vì bất khả tư nghì, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta được trí chứng tha tâm, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật được “trí chứng Tha tâm thông”.

Lại Bồ-tát ấy dùng trí chứng Túc mạng thông, nhớ lại một tâm đến trăm tâm, nhớ lại một ngày đến trăm ngày, nhớ lại một tháng đến trăm tháng, nhớ lại một năm đến trăm năm, nhớ lại một kiếp đến trăm kiếp, vô số trăm kiếp, vô số ngàn kiếp, vô số trăm ngàn kiếp, cho đến vô số trăm ngàn vạn ức kiếp; ta ở chỗ ấy có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, ăn như vậy, ở lâu như vậy, sống có hạn như vậy, sống lâu như vậy, thọ khổ vui như vậy, ta chết chỗ ấy sanh chỗ kia, chết chỗ kia sanh

chỗ ấy, có tướng mạo, có nhân duyên. Cũng không chấp trước túc mạng thông ấy. Vì việc túc mạng thông và thân ta đều không thể có được, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta có Túc mạng thông ấy, ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật được trí chứng Túc mạng thông.

Lại Bồ-tát ấy dùng mắt trời thấy chúng sanh khi chết, khi sanh, đoan chánh, xấu xí, chỗ dữ, chỗ lành, hoặc lớn, hoặc nhỏ, biết chúng sanh theo nghiệp nhân duyên; các chúng sanh ấy thành tựu thân ác nghiệp, thành tựu khẩu ác nghiệp, thành tựu ý ác nghiệp, cố hủy báng thánh nhân; chịu nhân duyên tà kiến như vậy, nên khi thân hoại đọa vào trong địa ngục ác đạo. Các chúng sanh ấy, thành tựu thân thiện nghiệp, thành tựu khẩu thiện nghiệp, thành tựu ý thiện nghiệp, không hủy báng thánh nhân; chịu nhân duyên chánh kiến như vậy, nên khi mạng chung sanh vào thiện đạo, sanh cõi trời. Cũng không chấp trước Thiên nhãn thông ấy, vì việc Thiên nhãn thông và thân ta, đều không thể có được, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta có Thiên nhãn thông ấy ngoại trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, được trí chứng Thiên nhãn thông cũng thấy chúng sanh trong mười phương hằng hà sa thế giới sanh, chết, cho đến sanh cõi trời. Bốn thần thông kia cũng như vậy.

Lại Bồ-tát ma-ha-tát ấy được Lưu tận thông. Tuy được Lưu tận thông, không còn rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không nương dī pháp, cũng không đắm trước Lưu tận thông ấy. Vì việc Lưu tận thông và thân ta, đều không thể có được, vì tự tánh không, vì tự tánh ly, vì tự tánh vô sanh. Không nghĩ rằng: Ta được Lưu tận thông, ngoài trừ vì tâm Tát-bà-nhã.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật được trí chứng Lưu tận thông.

Xá-lợi-phất! Như vậy là Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, đầy đủ Thần thông Ba-la-mật, đầy đủ Thần thông Ba-la-mật rồi, tăng ích Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

**LUÂN:** Như trong biển lớn có vô lượng vô số các thứ ngọc báu, có thứ có thể sát độc, có thứ có thể ngăn quý, có thứ có thể chữa bệnh, có thứ có thể trừ lạnh nóng, đói khát, có thứ có thể theo ý muốn của người đều cấp cho. Trong biển Đại thừa cũng như vậy, có các hạng Bồ-tát bảo;

có Bồ-tát phá ba ác, có Bồ-tát mở ba cửa thiện, có Bồ-tát sanh năm mắt, có Bồ-tát tu Thần thông Ba-la-mật. Thế nên các Bồ-tát thường làm việc kỳ đặc hy hữu; như quán tướng nước nhiều tướng đất ít, thì có thể làm đất rung động theo ý muốn, biến một thân thành nhiều thân, nhiều thân thành một, làm bụi bay đầy giữa hư không. Người lìa dục ấy, do nhân duyên phước đức, nên nhóm các vi trần lại làm ra nhiều thân, đều giống như nhau.

Có người nói: hàng phi nhân cung kính Bồ-tát ly dục ấy, nên vào trong thân Bồ-tát để tùy ý Bồ-tát muốn biến hóa gì cũng biến hóa được. Chuyển luân thánh vương chưa ly dục, có ít phước đức mà quỷ thần còn bị sai khiến, huống gì người ly dục thực hành vô lượng tâm.

Lại nữa, tâm tướng không có chỗ ở, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc lớn hoặc nhỏ, do sức thiền định, nên tâm được điều nhu, chóng khắp trong các thân rồi trở lại cũng chóng, ví như rỗng ngàn đầu, mắt, tai đều có hai ngàn, và có ngàn miệng, mà tâm sử dụng cùng trong một lúc. Rỗng và thân thô còn như vậy, huống gì Bồ-tát.

Có người nói: Việc của người tọa thiền, có thể lực không thể nghĩ bàn, cho nên một thân làm ra vô lượng thân, vô lượng thân làm ra một thân.

Vách đá không ngăn ngại là, quán tướng vách đá như hư không, bụi trần xuyên qua nó như cọc đóng vào đất.

Đi trên nước là, quán tướng đất nhiều, nên đi trên nước như trên đất; quán tướng nước nhiều nên vào đất như nước; quán tướng lửa nhiều nên thân tuôn khói lửa.

Sờ nắm mặt trời mặt trăng là, do sức thần thông bất khả tư nghì nên khiến tay đụng đến mặt trời mặt trăng; vì vào hỏa định nên mặt trăng không thể làm lạnh; vì vào thủy định nên mặt trời không thể làm nóng.

Hỏi: Sức thần thông ấy cho đến Tứ thiền, có sao đây nói chỉ đến ngang phạm thiên, thân được tự tại?

Đáp: Điều ấy trước đã nói. Phạm thiên là cửa ban đầu, nói Phạm thiên là đã nói hết thủy cõi Sắc. Lại người đời đều quý Phạm thiên cho là chúa thế giới. Lại Bồ-tát ấy không muốn ở cõi Dục tâm tán loạn, thị hiện sự tự tại ấy. Thế nên cho đến người lìa dục, đều có thể làm được.

Tướng trạng thần thông như vậy, vô lượng vô số, vì để cho dễ hiểu, nên nói một vài ví dụ.

Các ngoại đạo đối với thần thông này có hai sự lầm: 1. Khởi tâm chấp ngã, cho ta là có thể khởi lên việc ấy rồi sanh tâm kiêu mạn. 2. Đắm trước thần thông ấy. Ví như người tham đắm châu bảo. Vì vậy thần

thông của ngoại đạo không bằng thần thông của thánh nhân.

Bồ-tát đối với sức thần thông ấy, biết tất cả pháp tự tánh bất sanh, nên không đấm trước, chỉ tưởng nhớ trí nhất thiết chủng, để độ chúng sanh.

Năm thần thông kia cũng như vậy, đúng như pháp phân biệt, trước nói tướng trạng nó, sau đều nói nó không.

Các nghĩa khác của Sáu thần thông, như đã nói ở nghĩa Năm thần thông trong chương Tán thán Bồ-tát.

Vì Sáu thần thông ấy làm lợi ích chúng sanh rất lớn, cho nên nói đầy đủ thần thông như vậy, thì tăng ích Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

**KINH:** Nay Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật an trú Thí Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rất ráo không, không sanh tâm xan lẫn.

Nay Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, an trú trong Giới Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rất ráo không, tội không tội, không chấp trước.

Nay Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật an trú Nhẫn Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rất ráo không, không sanh tâm giận.

Nay Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, an trú Tinh tấn Ba-la-mật nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rất ráo không, thân tâm tinh tấn, không giải đãi.

Nay Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, an trú Thiền Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rất ráo không, tâm không loạn không mê đắm.

Nay Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, an trú Bát-nhã Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rất ráo không, không sanh tâm si.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, an trú Sáu Ba-la-mật, nghiêm tịnh đạo Nhất thiết chủng trí, vì rất ráo không, vì không đến không đi, vì không cho không nhận, vì chẳng phải giới chẳng phải phạm, vì chẳng phải nhẫn chẳng phải sân, vì chẳng siêng chẳng lười, vì chẳng định chẳng loạn, vì chẳng trí chẳng ngu. Đương khi ấy Bồ-tát ma-ha-tát không phân biệt bố thí không bố thí, không phân biệt trì giới phạm giới, nhẫn nhục sân nhuế, tinh tấn giải đãi, định tâm loạn tâm, trí tuệ ngu si, không phân biệt hủy báng, phá hại, khinh mạn, cung kính. Vì sao? Nay Xá lợi-phất! Vì trong vô sanh

pháp, không có người thọ hủy, không có người thọ hại, không có người thọ khinh mạn, cung kính.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật được các công đức như vậy, hàng Thanh văn, Bích-chi Phật không có được.

Được công đức ấy đầy đủ, thành tựu chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, được Nhất thiết chủng trí.

**LUẬN:** Bồ-tát ấy khi mới phát tâm, hành Bát-nhã Ba-la-mật, lần lượt tu các công đức khác như Thí Ba-la-mật... Bồ-tát an trú Thí Ba-la-mật, tu sửa đạo Nhất thiết chủng trí, quán tất cả pháp rốt ráo không, không sanh tâm xan tham, do hai việc ấy nên mở đạo Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì trong rốt ráo không, không có xan tham; cội gốc xan tham dứt, nên đầy đủ Thí Ba-la-mật; đầy đủ Thí Ba-la-mật nên trang nghiêm Bát-nhã Ba-la-mật; cho đến Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo không, nên thường không sanh tâm si. Vì sao? Vì trong đây Phật tự nói: Tất cả pháp không đến không đi, không cho không nhận, cho đến không trí không ngu.

Hỏi: Nếu quán được như vậy mà hành Sáu Ba-la-mật thì được lợi ích gì?

Đáp: Trong đây Phật tự nói: Bồ-tát ấy không nghĩ rằng, có bố thí hay không bố thí, nếu nghĩ có bố thí thì rơi vào pháp hư dối. Lại nếu chấp việc bố thí, thì tâm sanh kiêu mạn; nếu nghĩ không có bố thí, thì rơi vào tà kiến. Luận về bố thí là cửa ngõ ban đầu trong Phật pháp, cơ sao nói không? Cho đến không nghĩ rằng có ngu si có trí tuệ. Người ấy như núi Kim-cang, gió thổi bốn phía không làm lay động được. Bồ-tát ấy lúc bấy giờ nếu có ai nhiếc mắng hay khen ngợi, tâm không đổi khác. Vì sao? Vì trong đây Phật tự nói: Trong vô sanh pháp, không có người mắng, không có người hại, không có người cung kính. Hàng tu hạnh Thanh văn, Bích-chi Phật, không có tâm từ bi sâu xa, nếu gặp người gia hại thì hoặc im lặng hoặc tránh xa. Bồ-tát thì không như vậy, càng gia tâm từ xem đó như con, phương tiện độ nó, thế nên hơn tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật, năng giáo hóa hết thủy chúng sanh. Vì có phương tiện nhân nhục từ bi sâu xa, vì nhân duyên của nghiệp tùy thuận thanh tịnh, nên có thể trang nghiêm tịnh Phật độ. Đầy đủ pháp ấy, nên không bao lâu sẽ được trí nhất thiết chủng.

**KINH:** Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh; sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh rồi, được tất cả các pháp bình đẳng; được tất cả các pháp bình đẳng rồi, an lập tất cả chúng sanh trong các pháp

bình đẳng. Bồ-tát ma-ha-tát ấy, hiện đời được mười phương chư Phật nhớ niệm, cũng được tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi Phật nhớ niệm. Bồ-tát ấy tại chỗ sanh ra, mắt không thấy sắc không ưa, cho đến ý không biết đến pháp không ưa.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không giảm sút đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

**LUẬN:** Nếu Phật dạy rộng tướng trạng các Bồ-tát, thì cùng kiếp không hết, nay Phật ở cuối phẩm này lược nói tướng ấy, tướng ấy là sở hành chung của các Bồ-tát, đó là đại từ bi, bắt đầu phát tâm độ hết thủy chúng sanh, học tâm bình đẳng quán chúng sanh của chư Phật, hết thủy pháp tự tánh không. Do nhân duyên như vậy, sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh; được tâm bình đẳng ấy rồi, được tất cả các pháp bình đẳng.

Tất cả pháp bình đẳng là như trước nói nghĩa chúng sanh bình đẳng, pháp bình đẳng; nay lại nói thêm: thương xót bốn loài chúng sanh, nhất tâm muốn cho lợi ích, gọi là chúng sanh bình đẳng. Quán bốn niệm xứ cũng không thấy thân, gọi là pháp bình đẳng. Các bốn pháp như bốn chánh cần... cũng như vậy.

Lại nữa, nghĩ đến chúng sanh trong năm đường đều chìm đắm trong già, bệnh, chết, vô thường, gọi là chúng sanh bình đẳng. Thực hành Năm căn: tinh, tấn... hoặc năm thần thông, nhất tâm muốn độ chúng sanh, ấy gọi là pháp bình đẳng.

Lại nữa, đối với chúng sanh thực hành phước nhẫn nhục, từ bi, công đức vô lượng; công đức vô lượng nên tâm nhu nhuyễn, tâm nhu nhuyễn nên mau được thiền định; tu thiền định nên tâm như ý điều nhu; tâm như ý điều nhu nên phá tướng dài, ngắn, nam, nữ, trắng, đen của thế gian vào pháp nhất tướng, đó là vô tướng. Được pháp bình đẳng rồi, làm cho hết thủy chúng sanh được pháp bình đẳng.

Bồ-tát ấy được hai bình đẳng, thành tựu vô lượng phước đức, trí tuệ, nên được quả báo hiện tại là được chư Phật nhớ niệm, được các người khác nhớ niệm.

Vì ưa đắm mà sanh nhớ niệm đều là hư vọng, chỉ có chư Phật nhớ niệm, ấy là thật nhớ niệm, vì không ưa đắm. Người ấy, chư Phật còn ái niệm, huống gì Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát? Thanh văn, Bích-chi Phật là người dứt kiết sử còn ái niệm, huống gì người phàm phu chưa lìa dục?

Bồ-tát do nhân duyên phước đức sanh ra, nên quả báo đời nay vô lượng như vậy, đời sau ở chỗ sanh ra, mắt trọn không thấy ác sắc. Ác

sắc là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm phát sanh khổ thọ, cho đến làm phát sanh tâm ưu não. Như trời Lục dục, sáu căn đối với thứ dục tịnh diệu, tùy ý hoan hỷ. Chúng sanh trồng một ít phước đức, còn được sanh ở cõi trời như vậy, huống gì Bồ-tát có phước đức, thật trí tuệ vô lượng vô biên, lại được mười phương chư Phật và các Hiền thánh nhớ niệm!

**KINH:** Khi thuyết phẩm Bát-nhã Ba-la-mật ấy, ba trăm Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy áo đang mặc dâng Phật, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi ấy Phật mỉm cười, ánh sáng nhiều màu từ trong miệng phóng ra. Tuệ mạng A-nan từ tòa đứng dậy, sửa áo chấp tay, chân bên hữu quỳ sát đất bạch Phật rằng: Nhân duyên gì Phật mỉm cười?

Phật bảo A-nan: Ba trăm Tỳ-kheo ấy từ đây về sau sáu mươi một kiếp sẽ làm Phật, đều hiệu là Đại tướng. Ba trăm Tỳ-kheo ấy bỏ thân này, sẽ sanh vào nước Phật A-súc, và sáu vạn Thiên tử cõi Dục đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xuất gia thành Phật đạo, trong pháp của Phật Di-lặc.

Lúc ấy do oai thần của Phật, bốn bộ chúng ở tại chỗ mà thấy mười phương, mỗi phía có ngàn Phật, mười phương thế giới ấy nghiêm tịnh, thế giới Ta-bà này không sánh kịp.

Bấy giờ mười ngàn người phát nguyện: Chúng con tu hạnh nguyện thanh tịnh, do hạnh nguyện thanh tịnh, sẽ sanh đến thế giới Phật kia.

Khi ấy Phật biết thân tâm các thiện nam tử ấy, nên lại mỉm cười, ánh sáng nhiều màu từ trong miệng phóng ra.

A-nan sửa áo chấp tay bạch Phật: Nhân duyên gì Phật mỉm cười?

Phật bảo A-nan: Ông thấy mười ngàn người ấy chăng?

A-nan thưa: Dạ thấy.

Phật dạy: Mười ngàn người ấy mệnh chung ở đây, sẽ sanh đến thế giới kia, không bao giờ lìa chư Phật, sau sẽ thành Phật, hiệu là Trang Nghiêm Vương.

**LUẬN:** Hỏi: Chư Phật kiết giới Tỳ-kheo ba y không được thiếu, sao các Tỳ-kheo này phá Giới Ba-la-mật mà thực hành Thí Ba-la-mật?

Đáp: Có người nói: Phật Thành đạo sau mười hai năm mới kiết giới, lúc Tỳ-kheo ấy thí y thì chưa kiết giới.

Có người nói: Tỳ-kheo ấy có y tịnh thí, sanh tâm nghĩ mình sẽ vẫn thọ dụng cho nên thí.

Có người nói: Các Tỳ-kheo ấy biết nhiều hiểu nhiều, liền có thể nhận được y lại, chứ việc không để qua đêm.

Lại có người nói: Các Tỳ-kheo ấy nghe Phật dạy về các Bồ-tát hành Thí Ba-la-mật, có thể lực của công đức vô lượng, được cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng, nên tâm rất vui mừng nhảy nhót, liền lấy y thí, không còn nghĩ gì khác, không cố ý phá giới.

Lại nữa, các Tỳ-kheo biết Phật pháp rất ráo không, không chấp trước, dứt pháp ái, vì theo thế đế nên kiết giới, chẳng phải vì đệ nhất nghĩa đế. Các Tỳ-kheo ấy theo Phật nghe đệ nhất nghĩa đế, và sáu Ba-la-mật bố thí... nghe các Bồ-tát có đại oai lực, thường nghĩ chúng sanh bị các phiền não che lấp, không thể được công đức như Bồ-tát ấy, nên sanh tâm đại bi, vì chúng sanh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì vậy lấy y bố thí. Nếu người vì tham dục, sân nhuế, sợ hãi, tà kiến, không có tâm cung kính, khinh lời Phật mà không chấp trì, ấy mới gọi là phá giới. Các Tỳ-kheo này đều không có tâm đó, thế nên không có tội phá giới.

Hỏi: Phật vì sao mỉm cười?

Đáp: Cười có nhiều thứ: Có người thấy việc ca múa nên cười, có người trong lòng sân nhuế nên cười, có người kiêu mạn nên cười, có người khinh vật nên cười, có người việc làm xong vui mừng nên cười, có người thấy làm việc không nên làm nên cười, có người trong lòng đối trá nhưng ngoài dương bày lành tốt nên cười, có người thấy việc hy hữu nên cười, nay Phật thấy Tỳ-kheo đem một áo Ca-sa bố thí, trong tương lai sẽ được thành Phật, là việc hy hữu, cho nên cười.

Hỏi: Sao A-nan thường hỏi Phật vì sao cười mà các Tỳ-kheo khác không hỏi?

Đáp: Các Tỳ-kheo ấy không gần gũi Phật, lại có tâm kính sợ nhiều, không dám tự hỏi. A-nan khéo biết tướng người, biết ý các Tỳ-kheo. Lại thấy Phật cười, nghi nên nghĩ rằng: Phật không có tướng chúng sanh, không có tướng pháp, biết ba cõi như mộng như huyễn, nay có việc gì có thể làm cho Phật cười? Phật như núi chúa Tu-di, đại địa, đại hải, không vì nhân duyên nhỏ mà lay động. Vì vậy nên hỏi nhân duyên vì sao cười.

Phật bảo A-nan: Nghiệp nhân duyên và quả báo tương tục, bất khả tư nghì, ba trăm Tỳ-kheo ấy sau sáu mươi một kiếp, sẽ được làm Phật, hiệu Đại tướng (khi bố thí dùng tay đưa vật thí lên làm dấu hiệu, nhân đó đặt tên - ND).

Trong sáu mươi một kiếp, người ấy lợi căn, gặp Phật thuyết pháp, nhờ cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng, nên người ấy chóng thành Phật.



Các Tỳ-kheo ấy vì chưa được Thiên nhãn, tự nghi không biết sẽ sanh chỗ nào, sợ không thể nhóm các công đức, không được đến đạo. Thế nên Phật dạy: Bỏ thân ấy sẽ sanh thế giới Phật A-súc. Sáu vạn Thiên tử cõi Dục, chắc chắn là có nhân duyên phước đức chung trong đời trước, nên cùng năm trăm Tỳ-kheo, đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Là những người đáng được Di-lặc độ, nên Phật thọ ký họ sẽ xuất gia vào thời Phật Di-lặc. Nay Phật thọ ký các Tỳ-kheo sanh vào thế giới A-súc, nên mọi người đều muốn thấy thế giới thanh tịnh của chư Phật. Thế nên Phật làm cho đại chúng thấy khắp mười phương mỗi phương có ngàn Phật.

Bốn chúng ấy thấy thế giới Phật thanh tịnh trang nghiêm, thấy thân chư Phật lớn hơn núi Tu-di, có đại chúng Bồ-tát một đời bổ xứ vây qua- nh, dùng phạm âm thấu suốt vô lượng vô biên thế giới, mỗi vị tự làm hèn mọn thân mình. Vì thương xót chúng sanh, mà cầu vô lượng Phật pháp, phát nguyện sanh vào thế giới Phật kia. Như nói trong chương Thanh tịnh thế giới hạnh nguyện.

Nhân duyên cười, như trước đã nói.

Mười ngàn người ấy, mệnh chung ở đây, sẽ sanh vào nước kia. Khi sanh vào nước kia, do nhân duyên hạnh nghiệp đầy đủ, nên ở nơi đó chứa nhóm vô lượng phước đức sâu dày, trọn không xa lìa chư Phật.

Do thấy các thế giới Phật trang nghiêm mà phát tâm, nên hiệu là Trang Nghiêm Vương Phật.

-----o0o-----